

Bản án số: 444/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15-4-2024

V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nội Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1317/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H – Sinh năm: 1997. (Xin vắng mặt)

Thường trú: Đội 11, thôn T, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: 9 ấp M, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn B – Sinh năm: 1996. (Vắng mặt)

Thường trú: Đội 11, thôn T, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: 9 ấp M, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 14.11.2023, biên bản lấy lời khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà và ông Đỗ Văn B tự nguyện tìm hiểu và tiến đến xây dựng gia đình vào năm 2016, hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội vào ngày 06.10.2016.

Sau khi cưới ông bà sống chung gia đình chồng. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không tìm

được tiếng nói chung, hai bên đã cố gắng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc. Ông bà ly thân từ tháng 4/2023 đến nay.

Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không hàn gắn được và không còn tình cảm nên bà xin được ly hôn với ông **Đỗ Văn B**.

- Về con chung: có 01 con chung **Đỗ Bảo B1**, sinh ngày 21/3/2017. Hiện nay con chung sống cùng ông **B** nên bà giao con chung cho ông **B** trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải bà **Trần Thị H** và ông **Đỗ Văn B** thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông **B** không đến Tòa nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về phía bị đơn **Đỗ Văn B**, Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông **B** vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn trình bày ý kiến tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo trình tự thủ tục pháp luật quy định đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa bà **Trần Thị H** và ông **Đỗ Văn B** là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Bị đơn ông **Đỗ Văn B** có địa chỉ cư trú tại **9 ấp M, xã T, huyện H, huyện H** nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy bà **Trần Thị H** và ông **Đỗ Văn B** tự nguyện xây dựng gia đình từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Đ, huyện M, thành phố Hà Nội** vào ngày 06.10.2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định nói trên theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng ông **Đỗ Văn B** không đến, phiên tòa phải hoãn và Quyết định hoãn phiên tòa cũng được tổng đạt hợp lệ cho ông **B** nhưng ông **B** vẫn không có mặt. Nguyên đơn bà **Trần**

Thị H có đơn xin vắng mặt. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà **Trần Thị H**: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bà **Trần Thị H** và ông **Đỗ Văn B** có thời gian sống chung từ năm 2016 và đã có 01 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh theo lời trình bày của bà **H** nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và Thông báo phiên hòa giải theo quy định để tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện để bà **Trần Thị H** và ông **Đỗ Văn B** trở về đoàn tụ với nhau nhưng ông **B** không đến, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà **Trần Thị H** và ông **Đỗ Văn B** đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ly hôn là cần thiết nên việc bà **Trần Thị H** yêu cầu ly hôn với ông **Đỗ Văn B** là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: có 01 con chung **Đỗ Bảo B1**, sinh ngày 21/3/2017. Bà **H** giao con chung cho ông **B** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không cấp dưỡng nuôi con. Hiện con chung đang sống với ông **B**. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ông **B** trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo được sự ổn định và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt nên yêu cầu này có cơ sở chấp nhận và ghi nhận việc bà **H** không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[5] Đối với bị đơn **Đỗ Văn B**, Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông **Đỗ Văn B** không đến Tòa để đưa ra ý kiến và yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[6] Về án phí: Bà **Trần Thị H** chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà **Trần Thị H**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị H** được ly hôn ông **Đỗ Văn B**.

2. Về con chung: Giao 01 con chung **Đỗ Bảo B1**, sinh ngày 21/3/2017 cho ông **Đỗ Văn B** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Tạm ngưng việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà **Trần Thị H** cho đến khi có yêu cầu của ông **Đỗ Văn B**.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà **Trần Thị Hồng c**, được tính căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0008016 ngày 28.11.2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- CCTHADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Đại Hưng, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

Nguyễn Thị Hồng Hoa